TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 196/2024/HNGĐ-ST Ngày: 23 – 12 – 2024 V/v "Tranh chấp xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út.

Ông Nguyễn Văn Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Chí Nguyện – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2024/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Lâm Trường G, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 06/8/2024 nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lâm Trường G chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ

năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Trường G.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Lâm Hoàng K, sinh ngày 12/3/2011 (giới tính nam). Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu ngày 06/8/2024: Bà Bùi Thị H yêu cầu không mở phiên họp công khai, chứng cứ và hoà giải. Đồng thời, yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Lâm Trường G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Bùi Thị H.

Đại diện chính quyền địa phương UBND xã H nơi hai bên đương sự sinh sống xác định: Bà H và ông G không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Tại phiên tòa:

- Bà Bùi Thị H và ông Lâm Trường G vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị H đối với ông Lâm Trường G. Về nuôi con chung giao Lâm Hoàng K, sinh ngày 12/3/2011 (giới tính nam) cho bà Bùi Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, ông Lâm Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị H khởi kiện xin ly hôn với ông Lâm Trường G là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Lâm Trường G cư trú tại ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lâm Trường G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H và ông Hoàng G1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị H và ông Lâm Trường G tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 90/2011 ngày 09/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa bà H và ông G là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cải. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn. Đối với, ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà H. Từ đó cho thấy, ông G không mong muốn hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn của bà H và ông G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông G.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Lâm Hoàng K, sinh ngày 12/3/2011. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông G không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai ngày 06/8/2024 của con chung Lâm Hoàng K có nguyện vọng sống với mẹ và bà H có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên Hội đồng xét xử tôn trọng ý kiến của con chung căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Lâm Trường G.

Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Lâm Hoàng K, sinh ngày 12/3/2011 (giới tính nam) cho bà Bùi Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lâm Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lâm Trường G không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Bùi Thị H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng. Bà Bùi Thị H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003911 ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Lâm Hải, huyện Năm Căn;
(Giấy CNKH số 90 ngày 09/9/2011)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Như